

Bản án số: 01/2026/KDTM-ST

Ngày: 27 - 01 - 2026

Về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3- ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Lâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Đức Hiếu
2. Bà Phạm Hồ Quỳnh Uyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Dự - Thư ký tòa án nhân dân khu vực 3- Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3- Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 01 năm 2026, tại Hội trường Tòa án nhân dân khu vực 3- Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 23/2025/TLST-KDTM ngày 17 tháng 11 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2025/QĐXX-ST ngày 29 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH T3

Địa chỉ: Số H đường L, phường N, thành phố Đà Nẵng. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Khắc L – Chức vụ: Giám đốc. Người đại diện ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Khắc Đăng K, sinh năm 1998, địa chỉ: số H đường L, phường N, thành phố Đà Nẵng và bà Ngô Thị Minh T, sinh năm 1998, địa chỉ: Thôn T, xã T, thành phố Đà Nẵng- Bà T có mặt;

2. Bị đơn: Công ty TNHH MTV C

Địa chỉ: Số D N, phường C, thành phố Đà Nẵng. Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Ngọc T1 – Chức vụ: Giám đốc- Xin vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 09 tháng 10 năm 2025, bản trình bày cũng như tại phiên tòa người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn trình bày:

Căn cứ hợp đồng mua bán xi măng số 1811/204 NG-CPH ngày 01/01/2024, giữa bên bán. Công ty TNHH T3- bên mua Công ty TNHH MTV C: Theo hợp đồng Công ty TNHH T3 đã bán một số lượng xi măng cho Công ty TNHH MTV C do bà Nguyễn Thị Ngọc T1 đứng tên thành lập và đăng ký kinh doanh. Sau nhiều lần giao hàng đến nay Công ty TNHH MTV C không thanh toán hết tiền đã mua xi măng cho Công ty TNHH T3. Căn cứ biên bản đối chiếu công nợ đến ngày 30/11/2024 với bà Nguyễn Thị Ngọc T1 thì Công ty TNHH MTV C còn nợ Công ty TNHH T3 số tiền là 865.405.000 đồng. Đến thời điểm hiện tại Công ty TNHH MTV C1 còn nợ Công ty TNHH T3 số tiền là 865.405.000 đồng.

Công ty TNHH T3 đã nhiều lần yêu cầu bà Nguyễn Thị Ngọc T1 chủ Công ty TNHH MTV C hoàn trả hết số tiền còn nợ trên nhưng đến nay Công ty C cũng như bà Nguyễn Thị Ngọc T1 không trả dứt điểm theo hợp đồng đã ký cho công ty TNHH T3, điều này đã gây thiệt hại về kinh tế cho công ty TNHH T3.

Vì vậy, Công ty TNHH T3 khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị Ngọc T1 chủ Công ty TNHH MTV C phải trả số tiền còn nợ các Công ty TNHH T3 là 865.405.000 đồng (T2 trăm sáu mươi lăm triệu bốn trăm lẻ năm ngàn đồng).

* Người đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty TNHH MTV C, bà Nguyễn Thị Ngọc T1 trình bày: Nguyên trước đây Công ty tôi có ký hợp đồng mua bán với Công ty TNHH T3 về mặt hàng xi măng địa chỉ H L, phường N, thành phố Đà Nẵng.

Và tính đến thời điểm này Công ty TNHH MTV C còn nợ số tiền 865.405.000 đồng. Do tình hình kinh tế khó khăn, Công ty C làm ăn thua lỗ, đòi nợ không được nên chưa có khả năng thanh toán dứt điểm số tiền trên cho Công ty T3. Do đó, tôi xin trả nợ tiền cho Công ty T3 hàng tháng 1.000.000 đồng cho đến khi thanh toán dứt điểm số tiền nợ trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3- Đà Nẵng phát biểu ý kiến về việc Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ và đúng pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, đồng thời những người tham gia tố tụng cũng đã chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 430, Điều 433, Điều 434, Điều 440 Bộ luật dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH T3 đối với Công ty TNHH MTV C.

Buộc Công ty TNHH MTV C phải thanh toán cho Công ty TNHH T3 số tiền nợ là 865.405.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Theo đơn khởi kiện của Công ty TNHH T3 nộp tại Tòa án nhân dân khu vực 3- Đà Nẵng và Tòa án đã thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại Điều 30; Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, bị đơn là Công ty TNHH MTV C xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung vụ án:* Ngày 01/01/2024 Công ty TNHH MTV C và Công ty TNHH T3 ký hợp đồng mua bán số 1811/2024/NG-CPH về việc mua bán xi măng V, chủng loại xi măng bao 50kg PCB40 và PCB30, xi măng rời công nghiệp, giá cả được hai bên thỏa thuận và thống nhất tại từng thời điểm.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng Công ty TNHH T3 đã thực hiện đầy đủ việc cung cấp xi măng cho Công ty TNHH MTV C nhưng Công ty TNHH MTV C còn nợ Công ty TNHH T3 được số tiền 865.405.000 đồng. Theo biên bản đối chiếu công nợ ngày 29/9/2025 thì Công ty TNHH MTV C xác nhận còn nợ Công ty TNHH T3 số tiền của hợp đồng là 865.405.000 đồng;

Tại phiên Tòa đại diện cho nguyên đơn Công ty TNHH T3 yêu cầu Tòa án buộc Công ty TNHH MTV C trả số tiền nợ còn lại là 865.405.000 đồng.

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì thấy, theo Hợp đồng mua bán số 1811/2024/NG-CPH ngày 01/01/2024 được ký kết giữa Công ty TNHH T3 và Công ty TNHH MTV C thì Công ty TNHH T3 cung cấp hàng hóa cho Công ty TNHH MTV C là xi măng V, chủng loại xi măng bao 50kg PCB40 và PCB30, xi măng rời công nghiệp. Theo biên bản đối chiếu công nợ ngày 29/9/2025 thì Công ty TNHH MTV C xác nhận còn nợ Công ty TNHH T3 số tiền nợ chưa thanh toán là 865.405.000 đồng.

Xét thấy, Công ty TNHH MTV C đã không thực hiện việc trả nợ đối với Công ty TNHH T3 nên đã gây thiệt hại về kinh tế cho Công ty TNHH T3. Vì vậy, việc Công ty TNHH T3 yêu cầu Công ty TNHH MTV C trả số tiền nợ gốc là hoàn toàn chính đáng và phù hợp, nên cần chấp nhận.

Việc Công ty TNHH MTV C xin trả cho Công ty TNHH T3 mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi thanh toán dứt điểm số tiền nợ trên là không có thiện chí trả nợ, mà chỉ nhằm kéo dài thời gian, trì hoãn việc trả nợ gây thiệt hại cho Công ty TNHH T3. Vì vậy, Hội đồng xét xử không thể chấp nhận yêu cầu của Công ty TNHH MTV C được.

Hội đồng xét xử xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 tại phiên tòa về căn cứ các điều luật áp dụng cũng như đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH T3 đối với bị đơn Công ty TNHH MTV C là có căn cứ.

[4] Căn cứ vào Hợp đồng mua bán số 1811/2024/NG-CPH ngày 01/01/2024; căn cứ các Điều 24, Điều 50, Điều 55 Luật thương mại. Điều 430, Điều 433, Điều 434, Điều 440 Bộ Luật dân sự. Hội đồng xét xử xét cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH T3. Buộc Công ty TNHH MTV C phải trả cho Công ty TNHH T3 số tiền nợ là 865.405.000 đồng.

[5]Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty TNHH MTV C phải chịu theo giá ngạch là 36.000.000 đồng + 3% của phần giá trị tranh chấp vượt quá 800.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 24, Điều 50, Điều 55 Luật thương mại. Điều 430, Điều 433, Điều 434, Điều 440 Bộ Luật dân sự. Điều 147; khoản 1 Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa của Công ty TNHH T3 đối với Công ty TNHH MTV C.

Tuyên xử: Buộc Công ty TNHH MTV C phải trả cho Công ty TNHH T3 số tiền 865.405.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ đối với các khoản tiền phải trả, thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền.

Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: 37.962.150 đồng Công ty TNHH MTV C phải chịu.

Hoàn trả cho Công ty TNHH T3 số tiền tạm ứng án phí đã nộp 18.981.075 đồng, theo biên lai thu số 0005514 ngày 14/11/2024, tại Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 3;
- Phòng THADS khu vực 3;
- TAND TP. Đà Nẵng;
- T4;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Lê Văn Lâm

